

KẾ HOẠCH

Thu, chi tài chính ngoài ngân sách năm học 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố hải Phòng;

Căn cứ các hướng dẫn của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài Chính: Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 Về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ các hướng dẫn, công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng: Hướng dẫn số 867/SGDĐT-CTHSSV ngày 16/10/2013 về thực hiện đồng phục học sinh trong các cơ sở trường học; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 về quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố; hướng dẫn số 783/HDSGDĐT-TTr ngày 19 tháng 9 năm 2013 về thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện; Công văn số

2533/SGDDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện Công văn số 2683/UBND-GDDĐT ngày 12/9/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu, chi; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, phối hợp liên kết giáo dục đào tạo trong trường học, năm học 2025-2026; Công văn số 452/GDĐT ngày 11/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu, chi; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, phối hợp liên kết giáo dục đào tạo trong trường học, năm học 2025-2026;

Thực hiện Kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 Kế hoạch liên ngành giữa Huyện đoàn và Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” trong trường học giai đoạn 2023-2027;

Công văn số 236/BHXX-QLT&PTNTG ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hải Phòng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2025-2026;

Biên bản thỏa thuận các khoản thu giữa nhà trường và đại diện cha mẹ học sinh các lớp ngày 05/9/2025;

Biên bản thỏa thuận các khoản thu giữa nhà trường và cha mẹ học sinh các lớp ngày 07/9/2025.

Căn cứ đặc điểm, tình hình nhà trường, trường tiểu học Nam Hưng xây dựng kế hoạch thu - chi tài chính năm học 2025-2026 như sau:

II. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Tạo quyền tự chủ động cho thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý và chi tiêu tài chính, gắn trách nhiệm của thủ trưởng và cán bộ, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo qui định hiện hành của nhà nước và theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về qui định quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp.

3. Thực hiện quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị theo qui định của các cấp quản lý.

III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG

1. Đội ngũ:

Số CBGVNV: 21. Trong đó: Biên chế: 17 Hợp đồng: 04
- Số GV trực tiếp giảng dạy: 16 người, đạt tỉ lệ 1.33 GV/lớp.

2. Học sinh:

- Tổng số lớp: 12 lớp Tổng số HS: 347 em
- HS diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, mồ côi, HS có hoàn cảnh khó khăn: 20 em
- Học sinh khuyết tật, thiếu năng: 01 em = 0.8%.

3. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo của địa phương.
- Cha mẹ học sinh quan tâm đến công tác giáo dục.

- 100% các phòng học đã có ti vi phục vụ dạy, học.
- Có đủ phòng học, phòng chức năng để tổ chức cho 100% HS học 2 buổi/ngày.

4. Khó khăn

- Thiếu giáo viên (cả về số lượng lẫn cơ cấu Gv dạy các môn: Tin học, T.Anh...) theo quy định.
- Tỷ lệ học sinh diện hộ nghèo, cận nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn cao.
- Thiếu thiết bị dạy học lớp 2;3;4;5 theo Chương trình GDPT 2018. Số lượng máy tính phục vụ dạy Tin học ít.
- Hệ thống cây bóng mát trong nhà trường kém cần bổ sung, thay thế.

IV. NHIỆM VỤ

1. Thực hiện thu, chi các khoản từ học sinh theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.
2. Thực hiện đúng Luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.
3. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm thu không dùng tiền mặt để thực hiện tốt công tác quản lý, minh bạch các khoản thu, đồng thời tạo điều kiện cho phụ huynh học sinh.
4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ công tác chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ năm học.
5. Huy động xã hội hoá bổ sung trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

6. Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định.

V. KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN TỪ HỌC SINH

1. Thu theo văn bản chỉ đạo

1.1. Khoản thu bảo hiểm y tế:

** Kế hoạch thu:*

- Đối tượng thu: Triển khai tới 100% học sinh trừ những học sinh đã có thẻ hộ nghèo, thẻ ưu tiên.
- Thời gian thu: Lớp 1 triển khai thu từ 05/9 đến ngày 20 tháng 9; lớp 2, lớp 3, lớp 4; lớp 5 thu trong tháng 10.
- Mức thu: - 12 tháng: 631.800đ
 - 13 tháng: 684.450đ
 - 14 tháng: 737.100đ
 - 15 tháng: 789.750đ

** Kế hoạch chi:*

Nộp về Bảo hiểm xã hội 100% kinh phí thu.

2. Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục

2.1. Khoản thu phục vụ bán trú:

2.1.1. Tiền ăn bán trú: gồm bữa chính, bữa phụ.

* *Kế hoạch thu:*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí ăn bán trú tại trường trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Mức thu:

+ Lớp 1;2: 28 000/1HS/1 ngày. Trong đó 1 bữa chính và 1 bữa phụ.

+ Lớp 3;4,5: 28 000/ 1 HS/ngày. Trong đó 1 bữa chính và 1 bữa phụ .

- Tổng số HS đăng kí ăn bán trú: 130 em.

- Dự thu:

$(130 \times 28\,000) \times 17 \text{ bữa/tháng} \times 8 \text{ tháng} = 495\,040\,000 \text{ đồng.}$

* *Kế hoạch chi:* Chi trả 100% số tiền thu cho đơn vị cung cấp suất ăn theo hợp đồng số 011/2025/HĐDV/HP-THNH ngày 03/9/2025 giữa nhà trường và công ty Hoa Phượng.

2.1.2 Tiền chăm sóc bán trú:

- Tổng số HS ăn bán trú dự kiến: 130 em.

- Số HS diện miễn giảm: 0 em

- Số HS dự thu: 130 em.

- Thời gian thu: Theo tháng. Mức thu: 6500 đ/HS/ngày.

- Số kinh phí dự kiến thu:

$6500 \times 130 \text{ HS} \times 17 \text{ bữa} \times 8 \text{ tháng} = 114\,920\,000 \text{ đồng/năm}$

* *Kế hoạch chi*

STT	Nội dung chi	Tỉ lệ chi (%)	Số tiền (đ)
1	Chi cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.	70	80 444 000
2	Chi công tác quản lý của giáo viên chủ nhiệm.	4	4 596 800
3	Chi công tác quản lý, quản lý quỹ. (BGH: 13%; KT:2%; TQ: 3%).	18	20 685 600
4	Chi bảo vệ trưa.	1	1 149 200
5	Tăng cường CSVC	5	5 746 000
6	Chi nộp thuế từ dịch vụ giáo dục.	2	2 298 400
Tổng chi			114 920 000

(Số tiền thu, chi cụ thể hàng tháng có thể tăng lên hoặc giảm xuống do số lượng học sinh ăn).

2.1.3. Mua sắm cơ sở vật chất phục vụ bán trú

* *Kế hoạch thu:*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí ăn bán trú tại trường trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu tháng 10/2025.

- Số HS dự thu: Tuyển mới là: 51 em; HS đã ăn những năm trước là 79 em.

- Mức thu: HS tuyển mới: 200 000đ/HS/năm; HS đã ăn những năm trước: 70 000/HS/năm.

- Kinh phí dự thu:

+ HS tuyển mới: 200 000đ/HS/năm x 51 HS (tuyển mới) = 10 200 000 đồng.

+ HS đã ăn những năm trước: 70 000/HS/năm x 79 = 5 530 000 đồng

Tổng dự thu: 15 730 000 đồng.

* Kế hoạch chi:

STT	Nội dung chi	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng)	Số tiền (Đv đồng)
1	Mua gối cho học sinh	100	50 000	5 000 000
2	Khăn mặt	132	15 000	1 980 000
4	Kẹp khăn mặt	20	40 000	1 600 000
5	Mua cây lau nhà	3	85 000	255 000
6	Mua xô nhựa	4	50 000	200 000
7	Giấy ăn, giấy VS			1 695 000
7	Xà phòng rửa tay			1 000 000
8	Sửa chữa CSVC			925 000
9	Giặt vỏ gối, ga, chăn cho HS			4 000 000
Tổng dự chi				15 730 000

2.2. Khoản thu hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày

* Kế hoạch thu:

- Đối tượng thu: Là những học sinh học 2 buổi/ngày.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Tổng số HS: 347em.

- Thực hiện miễn giảm: 21 HS diện cận nghèo, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Số HS dự thu là 326 em.

- Mức thu: 25 000 đồng/HS/tháng.

- Dự kiến số thu cả năm:

25 000/HS/tháng x 326 HS x 9 tháng = 73 350 000 đ.

* Kế hoạch chi:

Hỗ trợ tiền điện, nước, mua ti vi, lắp hệ thống camera, máy vi tính phòng tin học, thay bóng điện các phòng học, phòng chức năng, sửa chữa khóa nước, vòi nước

nhà vệ sinh, bảo dưỡng ti vi, máy chiếu, máy in văn phòng, nâng cấp đường truyền mạng, khoan giếng, làm nhà xe học sinh....

2.3. Khoản thu tổ chức quản lý học sinh ngoài giờ hành chính

* Kế hoạch thu:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí quản lý tại trường sau giờ học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Tổng số HS đăng kí quản lý dự kiến là 347 em.

- Thực hiện miễn giảm: 21 HS diện cận nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi, HS là con giáo viên trong nhà trường.

- Số HS phải thu là 326 em.

- Mức thu: 7500 đồng/HS/tiết/45 phút.

- Kinh phí dự thu 1 tháng là: 7000 đồng/HS/tiết x 17 tiết = 119 000 đồng/HS/Tháng.

- Dự kiến số thu cả năm:

119 000đ/ HS/ tháng x 326 HS x 8 tháng = 310 352 000 đồng.

* Kế hoạch chi:

STT	Nội dung chi	Tỉ lệ chi (%)	Số tiền (đv: đồng)
1	Chi GV trực tiếp quản lý học sinh.	70	217 245 700
	Chi GVCN	3	9 310 560
2	Chi cho công tác quản lý, chỉ đạo; quản lý quỹ.	18.5 (HT: 8.0; PHT: 6.5; KT: 3; TQ: 1)	57 415 120
3	Chi bảo vệ, phục vụ	1.5 (BV; 0,5; TPT: 0.5; thư viện, thiết bị, y tế, trực ban: 0.5)	4 655 280
4	Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước.	2	6 207 040
5	Sửa chữa cơ sở vật chất	5	15 517 600
Tổng			

2.4. Khoản thu tiền nước uống

* Kế hoạch thu

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường có đăng kí sử dụng nước uống trong nhà trường.

- Thời gian thu: chia 2 kì thu: tháng 11/2025 thu học kì I; tháng 3/2026 thu tiền nước học kì II.

- Tổng số HS: 347 em.

- Miễn giảm: 21 HS diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Số HS dự thu là: 326 em.

- Mức thu: 10 000 đồng/HS/tháng.

- Tổng số dự thu cả năm:

$$10\,000\text{đ/ HS/ tháng} \times 326\text{HS} \times 9\text{ tháng} = 29\,340\,000\text{ đồng/năm.}$$

* *Kế hoạch chi:*

- Chi trả đơn vị cung cấp: 29 340 000 đồng.

2.5. Khoản thu trông xe của học sinh

* *Kế hoạch thu*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí gửi xe trong nhà trường.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Số HS đăng kí gửi xe đạp: 150 em.

- Miễn giảm: 10 HS diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Số HS dự kiến thu: 140 em

- Mức thu: 20 000 đồng/ HS/ tháng.

- Số kinh phí dự thu cả năm:

$$20\,000\text{đ/ HS/ tháng} \times 140\text{ HS} \times 9\text{ tháng} = 25\,200\,000\text{ đồng/năm.}$$

* *Kế hoạch chi*

STT	Nội dung chi	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	- Chi cho nhân viên bảo vệ trực tiếp trông xe:	70%	17 640 000
3	- Chi hỗ trợ CSVN	20%	5 040 000
4	- Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước	10%	2 520 000
Tổng chi			25 200 000

2.6. Khoản thu học tiếng Anh tăng cường với giáo viên nước ngoài

* *Kế hoạch thu*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Mức thu: 35 000đ/ HS/ tiết; Dự kiến học 4 tiết/ tháng; thu theo tháng.

- Tổng số HS dự kiến tham gia: 326 em.

- Miễn giảm: HS là con giáo viên, diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Dự kiến số miễn giảm là: 10 em.

- Số HS dự thu là: 316 em

- Tổng kinh phí dự thu cả năm:

$$140\,000\text{đ/ HS/ tháng} \times 316\text{ HS} \times 7\text{ tháng} = 309\,680\,000\text{ đồng.}$$

** Kế hoạch chi:*

STT	Nội dung chi	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	- Chi Trung tâm liên kết dạy	84	260 131 200
2	- Chi công tác quản lý BGH, GVCN, quản lý quỹ	13.7 (HT: 4; PHT: 3; GVCN: 5; KT: 1.2; TQ: 0.5).	42 426 160
3	- Chi cơ sở vật chất	1,98	6 193 600
4	Chi nộp thuế 2% của 16% (khoảng 0.32%)	0.32	929 040
Tổng chi			309 680 000

2.7. Khoản thu học kỹ năng sống

** Kế hoạch thu*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng ký học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Tổng số HS dự kiến tham gia là: 326 em.

- Miễn giảm: HS diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Dự kiến số miễn là 10 em.

- Số HS dự thu là 316 em.

- Mức thu: 10 000 đồng/ HS/ tiết. Dự kiến học 4 tiết/ tháng.

- Tổng kinh phí dự thu cả năm:

$$40\,000/\text{HS}/\text{tháng} \times 316 \times 7 \text{ tháng} = 88\,480\,000 \text{ đ}$$

** Kế hoạch chi:*

STT	Nội dung chi	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	- Chi Trung tâm liên kết dạy	84	74 323 200
2	- Chi công tác quản lý, quản lý quỹ	13,7(HT: 4, PHT: 3; GVCN: 5;KT:1,2; TQ: 0,5)	11 502 400
2	Nộp thuế 2% của 16% (khoảng 0.3%)	0.32	265 440
4	Chi cơ sở vật chất	1,98	1 769 600
Tổng chi			88 480 000

3. Các khoản thu hộ, chi hộ

3.1. Khoản thu quỹ “ Vòng tay bè bạn”

** Kế hoạch thu:*

- Đối tượng thu: Là các em thiếu niên, nhi đồng trong trường.

- Hình thức thu: Thực hiện gây quỹ qua tổ chức cho HS thu gom phế liệu hoặc Nuôi lợn đất tiết kiệm. Mức thấp nhất 4500 đồng/HS/Năm. Không vận động với HS có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổng số HS tham gia gây quỹ dự kiến: 347 em.

- Tổng kinh phí dự thu cả năm: 15 615 000đ

* *Kế hoạch chi:*

STT	Nội dung chi	Số tiền (đv đồng)
1	Nộp quỹ “ Vòng tay bè bạn” về Huyện đoàn	3 903 750
2	Mua sắm trang thiết bị Đội	1500 000
3	Chi công tác đào tạo, tập huấn tổng phụ trách, cán bộ Đội, phụ trách sao nhi đồng, trang bị tài liệu phục vụ kỹ năng nghiệp vụ của Đội	1 791 250
4	Chi các hoạt động, phong trào Đội (Đại hội chi đội, Đại hội Liên Đội, Liên hoan Cháu ngoan Bác Hồ, Chuyên đề...)	7 620 000
5	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thanh thiếu nhi	800 000
Tổng dự toán chi		15 615 000

3.2. Khoản thu đồng phục

- Nhà trường thống nhất mẫu mã, cha mẹ học sinh lựa chọn chất liệu vải, giá cả; ủy quyền cho nhà trường ký hợp đồng; Phụ huynh học sinh đăng kí số lượng may theo nhu cầu. Kinh phí thu theo số lượng may của từng học sinh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu: Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, báo cáo Hội đồng giáo dục xã, Chi bộ, công khai kế hoạch tài chính thu - chi để CBGV, NV, CMHS được biết và tham gia ý kiến; tổ chức kí biên bản thỏa thuận với cha mẹ học sinh các khoản thu để tổ chức dịch vụ giáo dục, các khoản thu hộ, chi hộ.

Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm các lớp, của bộ phận kế toán tài vụ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Chỉ đạo việc quyết toán thu, chi và công khai theo đúng quy định của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Công văn số 642/GDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác công khai trong trường học năm học 2025-2026.

2. Giáo viên chủ nhiệm các lớp: Có trách nhiệm có nhiệm vụ phối hợp với bộ phận tài vụ triển khai phần mềm thu không dùng tiền mặt, triển khai thu các khoản đóng góp, mua hộ học sinh theo đúng tính chất, mức thu, thời gian thu đến tất cả

CMHS trong lớp. Không ép buộc phụ huynh đối với các khoản thu tự nguyện, không thu dồn các khoản vào đầu năm.

3. Ban đại diện cha mẹ học sinh: Có trách nhiệm phối hợp cùng nhà trường tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện các khoản thu, chi.

4. Bộ phận tài vụ: Có trách nhiệm triển khai áp dụng phần mềm thu không dùng tiền mặt; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ theo quy định của Luật Kế toán; tham mưu cho Hiệu trưởng về các mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các cá nhân, bộ phận kịp thời báo cáo hiệu trưởng để có hướng giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND xã (để BC);
- Ban đại diện CMHS (để GS) ;
- Các bộ phận (để TH);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Hiến